

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28-01-2021

*“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
Chị T- anh Ph”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Dân.

2. Bà Nguyễn Thị Đoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2020/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm S, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh Ph; Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Ph tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q vào ngày 21/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã A và lao động tự do. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2017 mâu thuẫn càng tăng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phi H, sinh ngày

08/9/2015, con chung ở với anh Ph kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Ly hôn xảy ra chị đề nghị để anh Ph được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị nhận cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Ph: Anh xác nhận lời khai của chị T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng Chị T quan hệ nam nữ bất chính nhưng anh xác nhận tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị xin được đoàn tụ. Về con chung: Anh Ph xác nhận vợ chồng có 01 con chung như Chị T đã khai, nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con chung một lần từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 là 24.000.000 đồng (48 tháng x 500.000đồng/tháng). Từ tháng 01/2021 trở đi anh Ph không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh Ph xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Dại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 106, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị T được ly hôn anh Ph; Về con chung xử công nhận thỏa thuận của các đương sự về việc anh Ph được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Xử chấp nhận yêu cầu của anh Ph về cấp dưỡng nuôi con chung, Chị T nhận cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Ph một lần từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 là 24.000.000 đồng (48 tháng x 500.000đồng/tháng). Từ tháng 01/2021 trở đi đến khi con chung tròn 18 tuổi anh Ph không yêu cầu Chị T cấp dưỡng; Về tài sản chung không đặt ra giải quyết; Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại thôn M, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn Ph được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q vào ngày 21/3/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh Ph

sinh sống với gia đình anh Ph tại thôn M, xã Avà lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2017 mâu thuẫn càng tăng, chị T đã trở về quê tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Chị T làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh Ph. Còn đối với anh Ph cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do Chị T quan hệ nam nữ bất chính nhưng anh cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, đồng thời anh đề nghị tình cảm vợ chồng vẫn còn xin được đoàn tụ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng Chị T cự tuyệt tình cảm và đề nghị xin được ly hôn. Các bên làm đơn gửi Tòa án đề nghị không tiến hành hòa giải thêm.

Qua xác minh cơ sở thôn M và cán bộ Tư pháp xã A đều xác nhận cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Ph đã phát sinh mâu thuẫn và hiện tại hai bên đã sống ly thân thời gian dài, đề nghị Tòa án căn cứ vào hiện trạng thực tế để giải quyết cho chị T được ly hôn anh Ph theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa Chị T và anh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho Chị T được ly hôn anh Ph là có căn cứ.

[4] Về con chung: Xét đề nghị của các bên về nuôi dưỡng con chung cho thấy, tại phiên hòa giải ngày 23/12/2020 Chị T và anh Ph đều thỏa thuận anh Ph tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phi H, sinh ngày 08/9/2015. Qua xác minh cho thấy con chung được anh Ph trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, hiện tại cháu Hùng đang ổn định học tập tại xã A, cơ sở thôn M và cán bộ Tư pháp xã A đều đề nghị giao con chung cho anh Ph được trực tiếp nuôi dưỡng, vì vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 106, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ph yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2020 số tiền là 24.000.000 đồng (48 tháng x 500.000 đồng/tháng), phương thức thanh toán ngay một lần. Còn từ tháng 01/2021 trở đi đến khi con chung tròn 18 tuổi anh Ph không yêu cầu Chị T cấp dưỡng. Chị T nhất trí yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh Ph, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chị đề nghị về phương thức thanh toán sẽ trả dần cho anh Ph. Cần chấp nhận yêu cầu của anh Ph, Chị T nhận cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho 24.000.000 đồng là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 106, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Ph có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1

Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 106, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Ph.

2/Về con chung: Xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Ph nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phi H, sinh ngày 08/9/2015. Chị T nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho anh Ph từ tháng 1/2017 đến tháng 12/2020 (48 tháng x 500.000 đồng/tháng) số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Từ tháng 01/2021 đến khi con chung tròn 18 tuổi anh Ph không yêu cầu Chị T cấp dưỡng.

Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/Về tài sản chung: Chị T và anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chuyển số tiền 300.000 đồng Chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004611 ngày 11/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí. Chị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí theo quy định.

5/Về quyền kháng cáo: Anh Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã A;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC